



INCONEL® 600



Đặc điểm chính

Kháng oxy hóa tốt

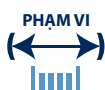
Kháng ăn mòn tốt ở nhiệt độ cao

Ứng dụng tĩnh nhiệt độ cao**

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

INCONEL® 600 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



Inconel® 600 còn được gọi là Nicrofer 716, Pyromet Alloy 600, Nicrimphy 600.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	AMS 5665 AMS 5687 ASTM B166 BS 3075 NA 14 BS 3076 NA 14 DTD 328A QQ-W-390	W.NR 2.4816 UNS N06600 AWS 010	Kháng oxy hóa tốt Kháng ăn mòn tốt ở nhiệt độ cao Ứng dụng tính nhiệt độ cao**	Thành phần lò đốt Xử lý hóa chất Chế biến thực phẩm Kỹ thuật hạt nhân
Ni	72.00	–				
Cr	14.00	17.00				
Fe	6.00	10.00				
Mn	–	1.00				
C	–	0.10				
Cu	–	0.50				
Si	–	0.50				
S	–	0.015				
P	–	0.04				
Co	–	1.00				
Nb/Cb	–	1.00				
Ti	–	0.50				
Ta	–	0.05				
Al	–	0.35				

Khối lượng riêng	8.47g/cm³	0.306 lb/in³
Điểm nóng chảy	1413°C	2575°F
Hệ số giãn nở	13.3 µm/m °C (20 – 100°C)	7.4 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)
Mô-đun độ cứng	75.6 kN/mm²	10965 ksi
Mô đun đàn hồi	206 kN/mm²	29878 ksi

Xử lý nhiệt các bộ phận thành phẩm

Điều kiện được Alloy Wire cung cấp	Loại	Nhiệt độ		Thời gian (giờ)	Làm mát
		°C	°F		
Ủ nhiệt hoặc Nhiệt đàn hồi	Khử ứng suất	460	860	1	Không khí

Thuộc tính

Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ hoạt động tương đối tùy thuộc vào tải ** và môi trường	
	N/mm²	ksi	°C	°F
Ủ	600 – 850	87 – 123	-200 đến +1000	-330 đến +1830
Nhiệt đàn hồi	900 – 1450	131 – 210	-200 đến +1000	-330 đến +1830
Từ tính nhẹ có thể xảy ra dưới 120°C (184°F)				

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.

*Tên thương mại là Special Metals Group of Companies